

Ngày thi: 26/12/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					5	10	15	15					55	100			
1	152615920	Kiều Thị	Phương	K16NAB1	0	0	0	0					HP	0.0	Không		
2	162143124	Nguyễn Thị	Luyến	K16NAB1	10	10	8.5	8.5					5.4	7.0	Bảy		
3	162527479	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K16NAB1	10	9	8	9					7.5	8.1	Tám phẩy Một		
4	162614965	Võ Thanh	An	K16NAB1	9	10	8	7.5					5.8	7.0	Bảy		
5	162614966	Nguyễn Thị Vân	Anh	K16NAB1	10	10	8	7.5					4.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
6	162614967	Chu Thị Đức	Ánh	K16NAB1	10	10	9.5	9.5					5	7.1	Bảy phẩy Một		
7	162614968	Tô Mỹ Quỳnh	Châu	K16NAB1	10	10	8.5	7.5					4.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
8	162614969	Hoàng Thị Hạ	Đoan	K16NAB1	8	8	8	8					5.2	6.5	Sáu phẩy Năm		
9	162614970	Trần Thị Ánh	Dung	K16NAB1	10	10	8	7.5					7.2	7.8	Bảy phẩy Tám		
10	162614971	Hồ Ngọc Anh	Dũng	K16NAB1	7	7	5	5					5	5.3	Năm phẩy Ba		
11	162614972	Dương Nữ Kỳ	Duyên	K16NAB1	10	9	7	9					7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
12	162614973	Lương Thị	Duyên	K16NAB1	10	10	9.5	7.5					5.5	7.1	Bảy phẩy Một		
13	162614974	Nguyễn Thị Minh	Hằng	K16NAB1	10	10	8	7.5					6.2	7.2	Bảy phẩy Hai		
14	162614975	Phan Xuân Hoàng	Hạnh	K16NAB1	9	9	7.5	7.5					6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
15	162614976	Nguyễn Thị	Hoa	K16NAB1	10	10	9.5	8.5					7	8.1	Tám phẩy Một		
16	162614977	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	K16NAB1	10	9	7	7.5					6	6.9	Sáu phẩy Chín		
17	162614978	Huỳnh Ngọc	Hương	K16NAB1	9	9	8	7.5					4.4	6.1	Sáu phẩy Một		
18	162614979	Đỗ Thị Mai	Hương	K16NAB1	10	9	7	9					6.3	7.3	Bảy phẩy Ba		
19	162614981	Tôn Thất Dương Bá	Khoa	K16NAB1	9	9	7	7.5					4.3	5.9	Năm phẩy Chín		
20	162614983	Hồ Thị Lin	Lin	K16NAB1	10	10	7.5	9					6.1	7.3	Bảy phẩy Ba		
21	162614985	Phạm Ngọc	Mai	K16NAB1	10	10	9.5	8					5.8	7.3	Bảy phẩy Ba		
22	162614986	Nguyễn Thị Lê	Minh	K16NAB1	10	10	9.5	9					7.3	8.3	Tám phẩy Ba		
23	162614988	Nguyễn Khánh	My	K16NAB1	10	10	9.5	9.5					7.3	8.4	Tám phẩy Bốn		
24	162614990	Trần Thị Lệ	Mỹ	K16NAB1	10	10	9	8					5.2	6.9	Sáu phẩy Chín		
25	162614991	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K16NAB1	9	8	7	7					6.3	6.8	Sáu phẩy Tám		
26	162615008	Lâm Quốc	Thịnh	K16NAB1	10	9	9	7.5					6	7.2	Bảy phẩy Hai		
27	162616963	Mai Thị Hồng	Hạnh	K16NAB1	10	9	7.5	7					4.5	6.1	Sáu phẩy Một		
28	162617115	Lê Thị Vân	Anh	K16NAB1	10	9	9.5	7.5					7.7	8.2	Tám phẩy Hai		
29	162617116	Trần Thuý	Hiền	K16NAB1	10	9	8	9					6	7.3	Bảy phẩy Ba		
30	162625029	Huỳnh Thị Diệu	Khuyên	K16NAB1	10	10	9.5	8					7.6	8.3	Tám phẩy Ba		
31	162625036	Phạm Công	Minh	K16NAB1	10	9	8.5	7.5					5.6	6.9	Sáu phẩy Chín		
32	162627625	Ngô Thị Thu	Trang	K16NAB1	9	10	9.5	8					6.4	7.6	Bảy phẩy Sáu		
33	162735069	Phan Thị Khánh	Hoà	K16NAB1	10	9	7	7					6.3	7.0	Bảy		
34	161326475	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K16NAB2	10	10	10	9					7	8.2	Tám phẩy Hai		
35	162614992	Hoàng Nữ Thuý	Ngân	K16NAB2	10	10	9	9.5					6	7.6	Bảy phẩy Sáu		
36	162614993	Nguyễn Thị	Ngọ	K16NAB2	10	10	8.5	9					5	6.9	Sáu phẩy Chín		
37	162614994	Bùi Thị Bích	Ngọc	K16NAB2	0	0	0	0					HP	0.0	Không		
38	162614995	Trương Thiện	Nhấn	K16NAB2	10	10	9	9.5					7.8	8.6	Tám phẩy Sáu		
39	162614996	Trần Quỳnh	Nhi	K16NAB2	8	8	7.5	8.5					6.6	7.2	Bảy phẩy Hai		
40	162614997	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	K16NAB2	9	9	8.5	8.5					5.7	7.0	Bảy		
41	162615000	Lê Huy Nhật	Quân	K16NAB2	7	7	7.5	8.5					4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
42	162615002	Nguyễn Lê Khánh	Quỳnh	K16NAB2	8	8	8	8.5					5.7	6.8	Sáu phẩy Tám		
43	162615003	Phan Đình	Thạch	K16NAB2	8	8	8.5	8.5					6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K16NAB												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				MÔN HỌC:	ĐỌC 4		HỌC KỲ		5							
				MÃ MÔN:	ENG 356		TÍN CHỈ		2							
Ngày thi:				26/12/2012				LẦN THI		1						
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				5	10	15	15						55	100		
44	162615004	Nguyễn Thị Thanh Thảo	K16NAB2	10	10	8.5	8.5					4	6.3	Sáu phẩy Ba		
45	162615007	Trần Thị Thu Thảo	K16NAB2	10	10	8.8	9.5					7.2	8.2	Tám phẩy Hai		
46	162615009	Nguyễn Thị Bích Thu	K16NAB2	10	10	8.8	9.5					6	7.5	Bảy phẩy Năm		
47	162615010	Kiều Hoài Thương	K16NAB2	10	10	8.5	8.5					7.6	8.2	Tám phẩy Hai		
48	162615011	Hồ Thị Thanh Thủy	K16NAB2	10	10	10	9					7	8.2	Tám phẩy Hai		
49	162615012	Lê Thiên Trần	K16NAB2	9	10	9	9.5					5	7.0	Bảy		
50	162615013	Bùi Nguyễn Thảo Uyên	K16NAB2	8	8	9.5	8.5					8	8.3	Tám phẩy Ba		
51	162615014	Phan Tại Phương Uyên	K16NAB2	10	10	10	9					4	6.6	Sáu phẩy Sáu		
52	162615015	Trần Thiên Vũ	K16NAB2	7	7	7	8.5					5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu		
53	162615017	Trần Thị Yến	K16NAB2	10	10	8	9.5					6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
54	162616556	Nguyễn Thị Kim Ngân	K16NAB2	10	10	8	8.5					5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
55	162616855	Trần Nhật Vy	K16NAB2	8	8	9	8.5					8	8.2	Tám phẩy Hai		
56	162617027	Võ Thị Như Tuyết	K16NAB2	10	10	1	9					7.3	7.0	Bảy		
57	162617065	Lê Đăng Phương Uyên	K16NAB2	10	10	8	9.5					6.8	7.9	Bảy phẩy Chín		
58	162617118	Võ Thị Lê Sa	K16NAB2	10	10	9	9.5					8.2	8.8	Tám phẩy Tám		
59	162617483	Nguyễn Quang Tùng	K16NAB2	8	7	8.5	8.5					7.6	7.8	Bảy phẩy Tám		
60	162625051	Trần Thị Thanh Tâm	K16NAB2	8	8	7	8					6.4	7.0	Bảy		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	58	97%	
2	Số sinh viên nợ	2	3%	
TỔNG CỘNG :		60	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 01 năm 2013

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú